TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TAM NÔNG** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2022/HNGĐ-ST
Ngày 17-01-2022
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM NÔNG- TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Khang.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hữu Phúc.

Bà Nguyễn Thị Ánh Gương.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Bảo Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Nông.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông tham gia phiên tòa***: Bà Hồ Thị Thuần – Kiểm sát viên.

Ngày 17/01/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 199/2021/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2021, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2021/QĐST – HNGĐ, ngày 29 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị P, sinh năm: 1983.

Địa chỉ: Ấp P, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Thanh Đ, sinh năm: 1989.

Địa chỉ: Ấp P, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Bà P, ông Đ vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn bà Phạm Thị P vắng mặt tại phiên tòa.

Theo đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt cũng như trong quá trình giải quyết vụ án bà P trình bày: Bà và ông Đ chung sống với nhau từ năm 2013 không có đăng ký kết hôn. Cuộc sống vợ chồng thời gian đầu cũng rất hạnh phúc, tuy nhiên sau đó phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cải vã nhau.

Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà P yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận bà với ông Đ là vợ chồng.

+ Về con chung: Trong quá trình chung sống, bà P và ông Đ có một con chung là Phạm Đăng K (sinh ngày 23/9/2019). Hiện nay, cháu K đang sống

chung trong gia đình, bà P yêu cầu được nuôi dưỡng cháu K, không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa hôm nay, bà Phượng vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Bị đơn ông Nguyễn Thanh Đ vắng mặt tại phiên tòa.

Theo đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt cũng như trong quá trình giải quyết vụ án ông Đ trình bày: Ông và bà P chung sống với nhau vào năm 2013 không có đăng ký kết hôn đúng như lời trình bày của bà P. Hiện nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên ông Đ đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà P.

+ Về con chung: Trong quá trình chung sống, ông và bà P có một con chung là Phạm Đăng K (sinh ngày 23/9/2019). Hiện nay, cháu K đang sống với gia đình. Khi ly hôn, ông Đ đồng ý giao cháu K cho bà P nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng nuôi con (do bà P không yêu cầu).

+ Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đều chấp hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, đại diện Viện kiểm sát không có ý kiến, kiến nghị gì về phần tố tụng.

Về ý kiến giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà P, không công nhận bà P và ông Đ là vợ chồng.

Trong quá trình thu thập chứng cứ: Ngoài các tài liệu, chứng cứ do đương sự cung cấp thì trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã yêu cầu cơ quan, tổ chức cung cấp tài liệu có liên quan đến vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Xét việc bà P khởi kiện xin ly hôn là vụ án dân sự, bị đơn ông Đ hiện nay đang cư trú tại xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì Toà án nhân dân huyện Tam Nông giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Bà P, ông Đ có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt vì vậy tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà P, ông Đ là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về yêu cầu của đương sự: Bà P yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận bà với ông Đ là vợ chồng. Về con chung, bà P yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Phạm Đăng K (sinh ngày 23/9/2019); về tài sản chung, nợ chung không có.

Hội đồng xét xử xét thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án bà P và ông Đ đều xác định vợ chồng chung sống với nhau không có đăng ký kết hôn; hiện nay giữa vợ chồng đã có mâu thuẫn với nhau trầm trọng, không còn muốn chung sống với nhau nữa. Theo Công văn số: 1015/UBND ngày 24/12/2021 của Ủy ban nhân dân xã A, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp thì bà P và ông Đ chung sống với nhau từ khoảng năm 2013, qua truy lục sổ bộ lưu trữ tại Ủy ban nhân dân xã A thì bà P và ông Đ chưa đăng ký kết hôn. Do đó, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà P, không công nhận bà P và ông Đ là vợ chồng là phù hợp với quy định tại Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân gia đình.

[4] Về con chung: Hiện nay, bà P yêu cầu được nuôi dưỡng cháu K, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Đ đồng ý giao cháu K cho bà P nuôi dưỡng. Do đó, để đảm bảo ổn định cuộc sống, quyền lợi mọi mặt của cháu K căn cứ vào Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, giao cháu K cho bà P tiếp tục nuôi dưỡng là có căn cứ và phù hợp với quy định pháp luật, ông Đ không phải cấp dưỡng nuôi con (do bà P không yêu cầu).

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Do đương sự trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Tóm lại, từ những nhận định trên xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: Bà P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 14, Điều 53, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Phạm Thị P và ông Nguyễn Thanh Đ là vợ chồng.

2/ Về con chung: Giao cháu Phạm Đăng K (sinh ngày 23/9/2019) cho bà Phạm Thị P được tiếp tục nuôi dưỡng. Ông Đ không phải cấp dưỡng nuôi con (do bà P không yêu cầu).

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3/ Về tài sản chung, nợ chung: Do các đương sự trình bày không có nên không giải quyết.

4/ Về án phí: Bà Phạm Thị P phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà P đã nộp theo biên lai số 0003184 ngày 02 tháng 11 năm 2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp. Bà Phạm Thị P đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai vắng mặt các đương sự. Báo cho đương sự có mặt biết có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Nơi nhận:
- Phòng GĐKT Toà án Tỉnh;
- VKSND huyện Tam Nông;
- Chi cục THADS huyện Tam Nông;
- Các đương vụ trong vụ án;
- UBND xã;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

ĐÃ KÝ

Nguyễn Duy Khang